

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CẨM MỸ
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 63/2019/HNGĐ - ST

Ngày: 19/11/2019

V/v “*Tranh chấp ly hôn*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẨM MỸ, TỈNH ĐỒNG NAI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Hoài Bảo

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Trương Văn Hòa

2. Bà Thái Thị Thủy Tiên

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Đoàn Thị Bích, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cẩm Mỹ.

- *Đại diện Viện kiểm sát huyện Cẩm Mỹ tham gia phiên tòa:* Ông Trần Văn Sơn, Kiểm sát viên.

Trong ngày 19/11/2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 146/2019/LTST- HNGĐ ngày 06/5/2019 về việc “*Tranh chấp ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 64/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 21/10/2019 và quyết định hoãn phiên tòa số 84/QĐST-HNGĐ ngày 06/11/2019 giữa các đương sự :

- Nguyên đơn: Ông V M H, sinh năm 1988.

Địa chỉ: số 201, tổ 11, ấp 6, xã S, huyện C, Đồng Nai.

- Bị đơn: Bà N T H, sinh năm 1989.

Địa chỉ: Tổ 9, ấp 8, xã X, huyện C, Đồng Nai.

- Người làm chứng: Bà D K, sinh năm: 1960.

Địa chỉ: Tổ 9, ấp 8, xã X, huyện C, Đồng Nai.

(Ông H có đơn xét xử vắng mặt, bà H và bà Khuê vắng mặt không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 17/01/2019, các bản tự khai, biên bản lấy lời khai nguyên đơn ông V M H trình bày: ông và bà H trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu chung sống với nhau và kết hôn với nhau vào năm 2016, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã S, huyện C, tỉnh Đồng Nai. Trong quá trình chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, sống không hạnh phúc, nguyên nhân do bà H

thường xuyên ăn chơi, không chăm lo cuộc sống gia đình, ông đã khuyên bảo bà H nhiều lần nhưng bà H không thay đổi. Hai vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 01 năm 2019 đến nay. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn nên ông đề nghị Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà H.

Quá trình chung sống, ông bà chưa có con chung.

Tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn bà N T H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng không đến Tòa án làm việc nên không có lời khai.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 10/9/2019 bà D K là mẹ ruột của chị H cho biết: Sau khi kết hôn bà H về sống với gia đình chồng, khoảng giữa năm 2019 thì bà H về sống với bà, theo bà được biết thì trong cuộc sống hôn nhân giữa hai vợ chồng thường cãi nhau. Nay ông H làm đơn khởi kiện xin ly hôn với bà H là việc riêng của ông H, bà H nên bà không có ý kiến.

Các tài liệu, chứng cứ của vụ án:

Chứng minh nhân dân dân, sổ hộ khẩu (bản sao); giấy chứng nhận kết hôn (bản chính); các bản tự khai; biên bản lấy lời khai của đương sự, người làm chứng, biên bản xác minh của Tòa án và các tài liệu chứng cứ khác trong hồ sơ vụ án.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, đã thực hiện đúng. Việc thu thập chứng cứ của Tòa án đầy đủ. Tuy nhiên, ngày 06/9/2019 vụ án quá thời hạn xét xử nhưng đến ngày 10/9/2019 Tòa án mới ban hành quyết định gia hạn là có vi phạm thời hạn chuẩn bị xét xử.

Nguyên đơn thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Ý kiến của Kiểm sát viên về việc giải quyết vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Có căn cứ chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông H.

Về con chung: Không có, nên không xem xét

Tài sản chung, nợ chung: Không ai yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

Về án phí sơ thẩm: Ông H chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn ông Võ Mạnh H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn bà N T H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt không có lý do tại phiên tòa nên Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b, khoản 2, Điều 227 và khoản 1, khoản 3, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt đối với các đương sự theo quy định của pháp luật.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Ông V M H và bà N T H tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình, nên xác định là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống, theo ông H thì thời gian đầu sống hạnh phúc đến năm 2018 vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn nguyên nhân do bà H ăn chơi, không chăm sóc gia đình ông đã khuyên bảo nhiều lần nhưng bà H không thay đổi, vợ chồng ông bà đã sống ly thân từ tháng 01 năm 2019 cho đến nay, không còn quan tâm đến nhau. Bà D K cũng xác nhận vợ chồng ông H bà H có mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình không hợp hay cãi vã nhau và ông H, bà H đã sống ly thân. Ngoài ra, bà H đã được triệu tập hợp lệ để làm việc, hòa giải, xét xử nhưng đều vắng mặt không có lý do, không có lời trình bày, chứng tỏ bà H không muốn hòa giải để vợ chồng hàn gắn đoàn tụ. Từ đó xác định tình trạng hôn nhân giữa ông H và bà H đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, do đó Hội đồng xét xử có căn cứ để chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông H.

[3] Về con chung: Ông H khai không có con chung, bà H không có lời khai về con chung nên không xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Ông H trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, bà H không có lời khai về việc này, nên không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Ông Võ Mạnh H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28; điểm a, khoản 1, Điều 35; điểm a, khoản 1, Điều 39; khoản 2, Điều 92; Điều 147; điểm b, khoản 2, Điều 227; khoản 1, khoản 3, Điều 228; Điều 266, 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ Điều 9; Điều 51; Điều 53; Điều 56; Điều 57 của Luật hôn nhân và gia đình.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của ông V M H. Ông V M H được ly hôn bà N T H.

2. Về con chung: Không xem xét giải quyết

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Ông V M H phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn. Khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí ông V M H đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu tiền số 004822 ngày 06/5/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cẩm Mỹ. Ông H đã nộp đủ tiền án phí.

5. Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được thông đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:

- TAND. tỉnh Đồng Nai;
- VKSND huyện Cẩm Mỹ;
- Chi cục THADS H. Cẩm Mỹ;
- Các đương sự;
- UBND xã S
- (GCNKH số 68/2016);
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

ĐÃ KÝ

Nguyễn Hoài Bảo